

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+RP2+RP3	7:25	8+14+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
2		P9+P11+P2	7:25	0+4+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 P9-P11
3		SAVR+RC3	7:25	13+5	0+0		8+11	0+0	PUMA
4		P6+P2+RP2	9:25	1+15+5	0+0+0		1+12+9	0+0+0	CHUYEN 1 P6-P2
5		BK8+P1+P2	9:25	10+2+9	0+0+0		9+1+10	0+0+0	
6		SAVR	9:25	18	0		19	0	PUMA
7		RP2+RC10	11:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
8		CTC1+CTK3	11:25	17+1	0+0		18+1	0+0	PUMA
9		BK5+P2+BK6	13:25	12+5+4	0+0+0		4+0+17	0+0+0	

TTBDSX P10 15h20 cấp cuối P10 ~ Petrosatco

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 NGƯỜI RP3-VỀ ĐI RP2 2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RC10-4NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: RC10 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ANH SON	RC10						73	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RC10	62	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG KIEN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VIET THANH	RC10						71	D-HANH	Vietnamese
5	BUI NGOC THUY LAN	RC10						56	D-HANH	Vietnamese
6	BAMBUROV EGOR	RC10						93	VSP	Russian
7	MIRSAYAPOV RUSLAN	RC10	61	1	2			103	VSP	Russian
8	NGUYEN DINH CUONG	RC10	60	1	5			75	PSV	Vietnamese
9	KHALIMOV A.A.	RP2	05	1	5			80	KH-THAC	Russian
10	DINH XUAN GIANG	RP2	09	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC CHINH	RP2	07	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CONG HOANG	RP2	18-19	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	13-14	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA DUY	RP2	06	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI KHAC HOANG	RP2	15-17	3	15			57	YTE	Vietnamese
16	TRAN THIEN PHUOC	RP2	12	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
17	TUONG ANH CAC	RP2	01	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HONG QUANG	RP2	11	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
19	DO DUC CUONG	RP2	03-04	2	4			80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM XUAN KHOA	RP2	10	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE TRUONG CHINH	RP2	08	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
22	VU HUU QUAN	RP2	02	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	8	618	3	17	0	0	4		
2	RP2	14	977	19	110	0	0	12		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	1.595	22	127	0	0	22		
WEIGHT KG			1.595		127		0			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: P9 - P11 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - DUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TẠ NGỌC THẠNH	P11	85-86	2	15	4	75	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH TÂM	P11	80	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	P11	83-84	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG TUẤN ANH	P11	81-82	2	15			88	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	66	1	5	3	60	47	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THÈ ANH	P2	52	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC HIỀN	P2	63	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH ĐỨC	P2	65	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	64	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG XUÂN THAI	P2	57	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	55	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN NAM	P2	51	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
13	SMIRNOV S.	P2	60	1	9			100	KH-THAC	Russian
14	VŨ ĐỨC TUYẾN	P2	62	1	6			75	KHI	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	58-59	2	11			75	YTE	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	67	1	2			79	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU VĂN TỰ	P2	54	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ HỮU LINH	P2	56	1	4			90	KH-THAC	Vietnamese
19	TRÁC ĐỨC HUY	P2	61	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	53	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	29	1	8			52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX P9-P11	
2	P11	4	318	7	64	4	75	0		
3	P2	17	1.179	18	96	3	60	22		
TOTAL		21	1.497	25	160	7	135	22		
WEIGHT KG			1.497		160		135			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: SAVR - RC3	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HHÁI - HLONG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NIKOLAEV GENNADY	SAVR	95	1	18			81	AMNGR	Russian
2	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	99-400	2	17			75	AMNGR	Russian
3	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	97-98	2	16			102	AMNGR	Russian
4	ARKHIPOV ANDREI	SAVR	81-82	2	15			115	AMNGR	Russian
5	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	84-85	2	10			75	AMNGR	Russian
6	SERGEEV SERGEI	SAVR	86	1	5			80	AMNGR	Russian
7	NGUYEN DUY KHIEM	SAVR						75	D-HANH	Vietnamese
8	LÊ ANH VŨ	SAVR	89	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CAO TRUNG	SAVR	300	1	8			66	PVDLOGG	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CUONG	SAVR	87-88	2	19			66	PVDLOGG	Vietnamese
11	TRAN TRONG MANH	SAVR	83	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN LE	SAVR	90	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU LE TRUNG	RC3	67	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	68	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO KHANH NAM	RC3	64-65	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN HAI VIỆT	RC3	66	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	63	1	4			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	12	935	16	140	0	0	8		
2	RC3	5	356	6	32	0	0	11		
TOTAL		17	1.291	22	172	0	0	19		
WEIGHT KG			1.291		172		0			

GRAND TOAL: 1.463 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: P6 - P2 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ PHẠM THANH HUY	P6	70-71	2	16			85	KH-THAC	Vietnamese
2	LE SINH TAM	P2	47	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DOAN HA	P2	35-36	2	16	9	93	86	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ NGỌC DŨNG	P2	37	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
5	K LING	P2	43	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THỌ DŨNG	P2	46	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	50	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐÌNH NAM	P2	48	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TANG MẠNH HA	P2	41	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	42	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGỌC DU	P2	38-39	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN HIỆU	P2	40	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN DU	P2	45	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	49	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUÂN QUANG	P2	44	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
16	BUI MINH HIEU	P2						95	XAYLAP	Vietnamese
17	HỒ ĐỨC LONG	RP2	88	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TUÂN CƯƠNG	RP2	89	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HOANG CẨM	RP2	90	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ LAM	RP2	87	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUÂN HAI	RP2	91	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	1	85	2	16	0	0	1		CHUYEN 1 PAX P6-P2
2	P2	15	1.134	16	101	9	93	12		
3	RP2	5	325	5	25	0	0	9		
TOTAL		21	1.544	23	142	9	93	22		
WEIGHT KG			1.544		142		93			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: BK8 - P1 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - DUNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TAT HOA	BK8	03	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUY TIEN HAI	BK8	02	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG SY NGOC	BK8	04	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH SON	BK8	05	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG AN	BK8	08	1	10	3	47	72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN NGHI	BK8	06-07	2	15	2	46	65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TIET	BK8	09-10	2	10	2	30	78	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG DINH TUAN	BK8	11	1	13			75	CODIEN	Vietnamese
9	VÔ NGỌC THAI SƠN	BK8	12	1	15			75	CODIEN	Vietnamese
10	BUI ĐAC CANH	BK8	01	1	7			69	PSV	Vietnamese
11	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	P1	27-28	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUNG	P1	29	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
13	TATARINOV SERV	P2	13	1	3			75	<i>AYTOM</i>	Russian
14	NGUYEN NGOC QUANG	P2	23-24	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
15	NHAM NGOC THANH	P2	17	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN XUAN TRUNG	P2	18-19	2	20	1	6	62	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG XUAN ĐONG	P2	14-15	2	10			61	PSV	Vietnamese
18	LE NGUYEN DUY THONG	P2	21	1	6			53	PSV	Vietnamese
19	LE XUAN ĐAM	P2						63	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	P2	16	1	5			70	PSV	Vietnamese
21	VU VAN HIEU	P2	25	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN QUY DUNG	P2	22	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	10	711	12	99	7	123	9		
2	P1	2	155	3	32	0	0	1		
3	P2	10	635	12	89	1	6	10		
TOTAL		22	1.501	27	220	8	129	20		
WEIGHT KG			1.501		220		129			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: SAVR	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HHAI - HLONG	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	41	1	7			94	AMNGR	Russian
2	TELEGIN ANDREI	SAVR	36	1	11			84	AMNGR	Russian
3	AZARENKOV KIRILL	SAVR	42	1	13			100	AMNGR	Russian
4	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	38-39	2	11			73	AMNGR	Russian
5	PANKOV SERGEY	SAVR	37	1	13			83	AMNGR	Russian
6	NIKOLAEV OLEG	SAVR	34-35	2	13			88	AMNGR	Russian
7	NGUYEN VO DINH DUY	SAVR	25	1	6	1	17	72	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM (CN)	SAVR	20	1	10	1	12	68	DVL	Vietnamese
9	MAI VAN DUONG	SAVR	27	1	12			82	DVL	Vietnamese
10	HOANG BA THANG	SAVR	28	1	14			62	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG MAO	SAVR	32	1	6	1	20	75	BAKER HU	Vietnamese
12	DO GIA LUONG	SAVR	24	1	12			101	BAKER HU	Vietnamese
13	NGO HUNG HAI	SAVR	30-31	2	15			72	ANTOAN	Vietnamese
14	HO QUANG HIEP	SAVR	22-23	2	11			65	DK9	Vietnamese
15	PHAM ANH TUAN	SAVR	43-44	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
16	TROIANOV DMITRII	SAVR	40	1	14			82	AMNGR	Russian
17	KIRICHENKO KONSTANTIN P.	SAVR	29	1	8			83	KHOAN	Russian
18	DANG CONG DANH	SAVR	18-19	2	15			76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	18	1.423	24	206	3	49	19		
	TOTAL	18	1.423	24	206	3	49	19		
	WEIGHT KG		1.423		206		49			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: RP2 - RC10	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - DŨNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VIỆT NHƯỞNG	RP2	40	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	27	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỒN QUANG DUY	RP2	31	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	34	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	39	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG NGỌC THÀNH	RP2	33	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HỢP	RP2	23	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	21-22	2	20			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	RP2	36	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHUÔNG	RP2	29	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NGỌC LAN	RP2	30	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG ANH VŨ	RP2	42	1	9	6	75	68	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG TUẤN ANH	RP2	20	1	11			90	CODIEN	Vietnamese
14	ARTYUSHI SERGGY	RP2	41	1	13			89	ANTOAN	Russian
15	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	37	1	3			57	PSV	Vietnamese
16	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	28	1	4			75	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	26	1	6			67	PSV	Vietnamese
18	VÔ VĂN TUẤN TỬ	RP2	35	1	7			70	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	38	1	3	3	55	63	PSV	Vietnamese
20	VƯƠNG ĐỨC HUY	RP2	32	1	16			99	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN THANH TRƯỜNG	RP2	24	1	8			52	PSV	Vietnamese
22	LÊ THAI SƠN	RP2	25	1	8	1	12	79	NPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.594	23	176	10	142	17		
2	RC10	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.594	23	176	10	142	22		
WEIGHT KG			1.594		176		142			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: CTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:20
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HHAI - MẠNH	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN BÌNH LONG	CTC1	57-58	2	16	2	30	83	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SI HIEU	CTC1	68	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CTC1	64	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	51	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN LÝ	CTC1	53	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOÀNG LONG	CTC1	69	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TUẤN ANH	CTC1	65	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUẤN	CTC1	66-67	2	16			63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG MẠNH PHU	CTC1	72	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LUONG	CTC1	60	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ TRI HÙNG	CTC1	52	1	14			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN BẠC	CTC1	61-62	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HỮU PHƯỚC	CTC1	70-71	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA LINH	CTC1	55	1	10	1	13	63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ĐỖ CHÂU TUẤN	CTC1	63	1	17			103	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	59	1	5			68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH GIAU	CTC1	54	1	4			68	PSV	Vietnamese
18	PHAM HUU TUNG	CTK3	74-75	2	9			95	DIEU PHAI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	17	1.277	21	176	3	43	18		
2	CTK3	1	95	2	9	0	0	1		
TOTAL		18	1.372	23	185	3	43	19		
WEIGHT KG			1.372		185		43			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: P2 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - DŨNG	ETA: 16:25
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC HÀ	P2						60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VIỆT HÙNG	P2						80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P2						68	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TU	P2						68	XAYLAP	Vietnamese
5	THAI HAI HA	BK5	75-76	2	8	3	50	62	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRẦN VIỆT	BK5	78-79	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THUAN	BK5	80	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỎA	BK5	81-82	2	12			61	SINH HUNG	Vietnamese
9	BUI VĂN THUY	BK5	77	1	6			56	SINH HUNG	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHỊ	BK5	72	1	11			61	SINH HUNG	Vietnamese
11	LÊ MINH CHƯỜNG	BK5	66-67	2	7			65	SINH HUNG	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUNG	BK5	73-74	2	10			70	SINH HUNG	Vietnamese
13	HỒ PHƯƠNG NAM	BK5	83	1	8	5	105	75	SINH HUNG	Vietnamese
14	TRẦN ANH QUANG	BK5	70-71	2	22			85	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK5	69	1	12	2	30	78	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	68	1	7			58	PSV	Vietnamese
17	LÊ NGỌC AN	BK6	70	1	10	3	40	79	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN THỌ	BK6	39,71	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CÔNG THANH	BK6	40	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHE	BK6						75	PSV	Vietnamese
21	DO VĂN ĐÌNH	BK6						72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	4	276	0	0	0	0	0		
2	BK5	12	813	18	121	10	185	4		
3	BK6	5	377	4	33	3	40	17		
TOTAL		21	1.466	22	154	13	225	21		
WEIGHT KG			1.466		154		225			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2025	TO: P10	AIRCRAFT: 602B1	ETD: 15:15
FLIGHT: CAP CƯU	FROM: VT	CREW: AVIỆT - CÔNG	ETA: 16:45

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VUONG VAN LONG	P10				1	50	76	Y TE	Vietnamese
2	DANG THI NGA	P10						50	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	2	126	0	0	1	50	3		THAO GHE CHO CANG
	TOTAL	2	126	0	0	1	50	3		
	WEIGHT KG		126		0		50			

GRAND TOAL: 176 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN